



Phụ lục 3

BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Trừ các vị trí đã quy định tại Phụ lục 5 Quyết định này)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất
A	HUYỆN MỸ XUYÊN		
I	KV2	Thị trấn Mỹ Xuyên	
1	VT3	Giới hạn bởi: Ranh thành phố Sóc Trăng, đường Trần Hưng Đạo, Huyện lộ 14 của xã Tham Đôn	55
2	VT4	Kênh Phước Kiện đi Cần Giờ đến giáp ranh xã Tham Đôn, Thạnh Thới An và Tài Văn	50
II	KV3	Xã Tham Đôn	
1	VT5	Giới hạn bởi: đường Huyện 14 đến đê bao rạch Sên, giáp xã Đại Tâm, Đường 936 (trở về phía sông Dù Tho), thành phố Sóc Trăng	40
2	VT6	Khu vực còn lại	35
III	KV3	Xã Đại Tâm	
1	VT5	Giáp Quốc lộ 1 đến kênh 19/5; từ Quốc lộ 1 hướng về xã Tham Đôn 500m tới kênh Phú Thuận	40
2	VT6	Khu vực còn lại	35
IV	KV3	Xã Thạnh Phú	
1	VT3	Giới hạn bởi: Quốc lộ 1 đến kênh 19/5; đê bao Phú Hưng; đường khu 4, lộ đal vào Phú Hòa, Phú Thành và ranh xã Lâm Kiệt - Thạnh Trị	50
2	VT4	Khu vực còn lại	45
V	KV3	Xã Thạnh Quới	
1	VT4	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm của xã	45
VI	KV3	Xã Gia Hòa 1	
1	VT6	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm của xã	35
VII	KV3	Xã Gia Hòa 2	
1	VT6	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm của xã	35

STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất
VIII	KV3	Xã Hòa Tú 1	
1	VT5	Giới hạn bởi: Giáp ranh Long Hòa, dọc theo kênh 10 Yên ra sông Đĩnh đến kênh Tư và ranh xã Ngọc Đông, Ngọc Tổ và Hòa Tú 2	40
2	VT6	Khu vực còn lại	35
IX	KV3	Xã Hòa Tú 2	
1	VT5	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm của xã	40
X	KV3	Xã Ngọc Đông	
1	VT5	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm của xã	40
XI	KV3	Xã Ngọc Tổ	
1	VT5	Khu vực đất trồng cây lâu năm ở ấp Cỏ Cò	40
2	VT6	Khu vực còn lại	35
B	HUYỆN MỸ TÚ		
I	KV2	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa.	
1	VT2	Phía Đông giáp sông Tân Lập; phía Tây giáp kênh Bộ Thon, kênh 1/5, kênh Ông Nam, kênh Bá Hộ; phía Nam giáp kênh số 1, ranh xã Mỹ Tú; phía Bắc giáp kênh Trà Cú Cạn, rạch Ô Rô, rạch Xẻo Lá	60
2	VT3	Phía Đông giáp ranh xã Mỹ Hương; phía Tây giáp sông Tân Lập; phía Nam giáp kênh Ô Quên; phía Bắc giáp ranh xã Long Hưng ----- Phía Đông giáp kênh Bá Hộ, kênh Ông Nam, kênh 1/5; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Tú; phía Nam giáp kênh Trà Cú Cạn; phía Bắc giáp ranh xã Long Hưng	55
3	VT4	Phía Đông giáp ranh xã Thuận Hưng; phía Tây giáp sông Tân Lập; phía Nam giáp ranh xã Mỹ Tú; phía Bắc giáp kênh Ô Quên ----- Phía Đông giáp kênh Bộ Thon; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Tú và kênh Chòm Tre; phía Nam giáp ranh xã Mỹ Tú; phía Bắc giáp kênh Trà Cú Cạn	50
4	VT5	Các vị trí còn lại	45
II	KV3	Xã Mỹ Hương	
1	VT3	Phía Đông giáp ranh huyện Châu Thành, ranh xã Thuận Hưng; phía Tây giáp Đường Tỉnh 939B, ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, ranh xã Thuận Hưng; phía Nam giáp ranh xã Thuận Hưng; phía Bắc giáp ranh huyện Châu Thành	50
3	VT4	Các vị trí còn lại	45